

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN 2

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và sửa đổi quy định về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và sửa đổi quy định về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn do doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật

Doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

2. Việc thành lập mới, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản và những nội dung khác về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh không được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp;
2. Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 3 Nghị định này.
3. Doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 4 Nghị định này.
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức quản lý, hoạt động và kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Điều kiện xác định doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Doanh nghiệp được xác định là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh trong các trường hợp sau:

1. Đảm bảo đồng thời các điều kiện sau:
 - a) Là công ty trách nhiệm hữu hạn có sở hữu 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.
 - b) Có ngành, lĩnh vực và địa bàn hoạt động quy định tại Phụ lục 1 về Danh mục ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh kèm theo Nghị định này.
 - c) Được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trực tiếp hoặc thông qua cơ quan chức năng, đơn vị hành chính thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bằng nguồn lực từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn lực của doanh nghiệp phù hợp với mục tiêu đầu tư, thành lập doanh nghiệp.

2. Các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh từng thời kỳ.

Điều 4. Doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

Doanh nghiệp được xác định là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh đảm bảo đồng thời các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trực tiếp hoặc thông qua cơ quan chức năng, đơn vị hành chính thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thường xuyên hoặc đột xuất; tổ chức thực hiện các dự án đầu tư có liên quan đến bí mật quốc phòng, nhiệm vụ quan trọng của quốc phòng, dự án đầu tư trên các địa bàn có vị trí trọng yếu về quốc phòng để đảm bảo yêu cầu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRỰC TIẾP PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ DOANH NGHIỆP KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 9 Luật Doanh nghiệp và các quy định sau:

1. Được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an bảo đảm đủ nguồn lực, đầu tư đủ vốn điều lệ để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao.

2. Được sử dụng các nguồn lực được giao để hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoài thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh) khi bảo đảm các điều kiện sau:

- a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chấp thuận, phê duyệt bằng văn bản;
- b) Hoạt động kinh doanh bổ sung có mục đích để kết hợp hỗ trợ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc để phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao;
- c) Không làm giảm năng lực và ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao;
- d) Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý nguồn lực được giao để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chấp hành các quy định pháp luật, quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về hợp tác quốc tế khi thực hiện các hoạt động liên kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

5. Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Doanh nghiệp chấp hành quyết định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về việc chuyển giao phần vốn hoặc tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở doanh nghiệp khác trong trường hợp cần thiết. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong trường hợp chuyển giao phần vốn hoặc tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và chức danh quản lý của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 7. Chính sách đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh và người lao động tại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

1. Doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh được áp dụng các chính sách sau:

a) Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phù hợp với quy định tại Luật Đất đai, Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Được Nhà nước bố trí ngân sách nhà nước hoặc huy động các nguồn lực khác để đảm bảo các khoản chi phí gồm: quân trang cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an; chi cho nhiệm vụ diễn tập, huấn luyện chiến đấu, huấn luyện dự bị động viên; chi cho hoạt động cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch bệnh; các khoản chi cho công tác quốc phòng, an ninh, công tác phục vụ quốc

phòng, quan hệ quân dân. Trường hợp ngân sách nhà nước không đảm bảo đủ thì được hạch toán các khoản chi phí này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được xác định là chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, được loại trừ khi thực hiện đánh giá, xếp loại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;

c) Được Nhà nước bố trí ngân sách nhà nước hoặc huy động các nguồn lực khác để cấp kinh phí cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa vận hành các dây chuyền, trang thiết bị sản xuất quốc phòng, an ninh trong trường hợp tạm ngừng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao của cấp có thẩm quyền do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân công;

d) Được Nhà nước bố trí ngân sách nhà nước hoặc huy động các nguồn lực khác để hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng 02 tháng lương thực hiện trong trường hợp không đủ nguồn để trích lập;

đ) Được Nhà nước bố trí ngân sách nhà nước hoặc huy động các nguồn lực khác để hỗ trợ kinh phí nhà trẻ, giáo dục tại địa bàn chưa có trường lớp theo hệ thống giáo dục công lập; kinh phí y tế đối với những nơi do điều kiện đặc biệt phải duy trì bệnh xá; hoặc nhà trẻ, bệnh xá trên địa bàn cần thiết phải duy trì theo quyết định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

e) Thực hiện trích khấu hao đối với những tài sản cố định là dây chuyền sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng và các tài sản chuyên dùng, đặc biệt khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Người lao động trong doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh được áp dụng các chế độ, chính sách sau:

a) Tiền lương của lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an được tính phù hợp với quy định về chế độ, chính sách của pháp luật đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an và căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, người lao động nếu bị thương hoặc bị chết mà đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, xác nhận là người có công theo quy định của pháp luật về người có công; người lao động bị tai nạn lao động thì xét hưởng chế độ tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Nhà nước đảm bảo kinh phí trả lương, đóng bảo hiểm xã hội cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an trong thời gian chuẩn bị nghỉ hưu; thanh toán các khoản chi ra quân, xuất ngũ, phục viên, thôi việc theo chế độ hiện hành; hỗ trợ trả lương cho số lượng người lao động tối thiểu cần phải duy trì để doanh nghiệp vận hành các

dây chuyền sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh theo kế hoạch, nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao trong trường hợp tạm ngừng sản xuất.

Điều 8. Chính sách đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quốc phòng an ninh và người lao động tại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quốc phòng, an ninh.

1. Doanh nghiệp được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phù hợp với quy định tại Luật Đất đai, Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được xác định là chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp các khoản chi phí gồm: quân trang cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an; các khoản chi phí trả lương, đóng bảo hiểm xã hội cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong thời gian chuẩn bị nghỉ hưu; thanh toán các khoản chi ra quân, xuất ngũ, phục viên, thôi việc theo chế độ hiện hành; các khoản chi phục vụ quân sự quốc phòng, an ninh, quan hệ quân dân theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao của cấp có thẩm quyền do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân công.

3. Tiền lương của lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an được tính phù hợp với quy định về chế độ, chính sách của pháp luật đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an và căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, người lao động nếu bị thương hoặc bị chết mà đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, xác nhận là người có công theo quy định của pháp luật về người có công; người lao động bị tai nạn lao động thì xét hưởng chế độ tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

Chương III

CÔNG NHẬN, CÔNG NHẬN LẠI VÀ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT DOANH NGHIỆP TRỰC TIẾP PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ DOANH NGHIỆP KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 9. Công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh trên cơ sở đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ 05 năm.

2. Tổ chức thực hiện công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo các quy định sau:

a) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và 06 tháng trước kỳ phải công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an rà soát các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này để xây dựng Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; gửi 05 bộ Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 11 Nghị định này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, lấy ý kiến Bộ Tài chính và Bộ quản lý ngành trong trường hợp cần thiết kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ. Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành có ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định đối với Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh để gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp có ý kiến khác nhau về Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp với các cơ quan liên quan để thống nhất các nội dung thẩm định.

d) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thiện Hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

3. Doanh nghiệp thành lập mới đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và không phải thực hiện công nhận doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định tại khoản 2 Điều này. Văn bản phê duyệt chủ trương hoặc quyết định thành lập mới doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ có giá trị thay thế quyết định công nhận doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa ra khỏi danh sách doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh sau khi lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh nhưng không được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh.

5. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp không được công nhận, công nhận lại là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh phải thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo các quy định của pháp luật.

Điều 10. Công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

1. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh định kỳ 05 năm trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Tổ chức thực hiện công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh theo các quy định sau:

a) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và 06 tháng trước kỳ phải công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc cổ phần biểu quyết do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu xây dựng Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; gửi 03 bộ Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 11 Nghị định này đến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để đề nghị công nhận là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kể từ ngày nhận đủ Hồ sơ. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

c) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định đưa ra khỏi danh sách doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh đối với doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh nhưng không đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh

Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh gồm những nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp; ngành, lĩnh vực, địa bàn hoạt động của doanh nghiệp; các sản phẩm, dịch vụ và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao doanh nghiệp thực hiện trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị xét duyệt.

2. Đánh giá thực trạng hoạt động của doanh nghiệp trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị xét duyệt (cung cấp số liệu về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế, nộp ngân sách, tổng số nợ phải trả, tổng số lao động...).

3. Báo cáo về tình hình sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đặt hàng, giao kế hoạch trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị xét duyệt.

4. Mục tiêu, kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong 05 năm tiếp theo kể từ thời điểm đề nghị xét duyệt.

5. Những nội dung khác liên quan đến việc công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh (nếu có); các tài liệu, văn bản liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng doanh nghiệp thực hiện.

Điều 12. Giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và kiểm tra, giám sát doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

1. Việc giao nhiệm vụ, đặt hàng cho doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; giá, đơn giá hoặc chi phí để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh do mình quản lý theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tình hình hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quản lý trong năm trước liền kề gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; tình hình thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; kết quả triển khai chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động tại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quy định Nghị định này.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 13. Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước

Điều chỉnh quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp như sau:

“Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm”.

Điều 14. Công bố thông tin của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh

1. Nội dung báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bao gồm:

a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP;

b) Báo cáo tóm tắt về tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của năm trước liền kề, bao gồm: Vốn điều lệ, tổng tài sản, đầu tư tài chính, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, đầu tư ra nước ngoài; tổng doanh thu và thu nhập, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế và các khoản phải nộp nhà nước; thu nhập bình quân của người lao động.

2. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh có trách nhiệm lập báo cáo và thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và cập nhật các mẫu biểu điện tử trên Cổng thông tin doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; đồng thời gửi báo cáo công bố thông tin đến cơ quan đại diện chủ sở hữu để đăng tải công bố trên Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng..... năm 2022.

2. Nghị định này thay thế và bãi bỏ các quy định tại khoản 2 Điều 2, Điều 13 đến Điều 19, khoản 1 Điều 23, nội dung liên quan đến doanh nghiệp quốc phòng, an ninh tại khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 34, khoản 1, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định tại Nghị định số 93/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP tiếp tục thực hiện chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động tại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và quy định tại Nghị định này đến hết thời hạn 3 năm kể từ ngày có quyết định công nhận doanh nghiệp quốc phòng an ninh.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành.

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các người quản lý của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; việc giao nhiệm vụ, đặt hàng cho doanh nghiệp; giá, đơn giá hoặc chi phí để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện quy định tại Nghị định này.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục I**DANH MỤC NGÀNH, LĨNH VỰC HOẶC ĐỊA BÀN PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH DO DOANH NGHIỆP TRỰC TIẾP PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH THỰC HIỆN**

(Kèm theo Nghị định số /2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022 của Chính phủ)

1. Sản xuất cung ứng thuốc nổ, vật liệu nổ phục vụ quốc phòng, an ninh.
2. Sản xuất cung ứng hóa chất và vật tư hóa chất chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh.
3. Nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa, cải tiến vũ khí, khí tài, công cụ hỗ trợ phục vụ quốc phòng, an ninh; phương tiện, thiết bị, tài liệu kỹ thuật mật mã; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng cơ yếu phục vụ quốc phòng, an ninh.
4. Chuyên giao công nghệ, thương mại quân sự và xuất, nhập khẩu vũ khí, khí tài, trang thiết bị kỹ thuật quân sự, an ninh và chuyên ngành mật mã.
5. Xuất bản, in, phát hành tài liệu nghiệp vụ, sách, báo chính trị, quân sự, an ninh chuyên dùng có yêu cầu bảo mật của Nhà nước; các tài liệu theo Danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc gia, trật tự, an toàn xã hội do Chính phủ quy định.
6. Sản xuất cung ứng các sản phẩm, vật tư, vật liệu và quân trang, xăng, dầu mỡ đặc chủng phục vụ quốc phòng, an ninh.
7. Quản lý, cung cấp dịch vụ bay, dịch vụ kinh tế biển, đo đạc bản đồ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
8. Sửa chữa, đóng mới tàu, thuyền, máy bay phục vụ quốc phòng, an ninh.
9. Khảo sát, thiết kế, thi công, sửa chữa các công trình quốc phòng, an ninh.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động trên các địa bàn chiến lược quan trọng tại: Biên giới, hải đảo, vùng biển, vùng dự án khu kinh tế quốc phòng C, K và các địa bàn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
11. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an./

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ Quốc phòng an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với Quốc phòng an ninh và sửa đổi quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước

(Tờ trình gửi Bộ Tư pháp thẩm định kèm theo Công văn số 863/BKHĐT-PTDN ngày 11/2/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Kính gửi: Chính phủ

Tại Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn do doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Doanh nghiệp năm giữ 100% vốn điều lệ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh (QPAN) và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung chính như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 7 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự (có hiệu lực từ ngày 01/3/2022)

quy định: “*Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn do doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật này nắm giữ 100% vốn điều lệ*”.

- Khoản 4 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 quy định sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp như sau: “*d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;*”.

- Tại Quyết định số 130/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn do doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Do đó, việc nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN và sửa đổi quy định về công bố thông tin DNNN được thực hiện căn cứ vào các quy định và chỉ đạo nêu trên.

2. Hạn chế, vướng mắc trong thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và sự cần thiết ban hành Nghị định

2.1. Về quy định đối với doanh nghiệp QPAN:

Tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp cho thấy, việc thực hiện các quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp QPAN vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc trên thực tiễn như sau:

a. Về đối tượng được xác định là doanh nghiệp QPAN

Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 93/2015/NĐ-CP và Điều 13 Nghị định 47/2021/NĐ-CP đã quy định cụ thể loại hình doanh nghiệp (là công ty TNHH 1TV thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) được xác định là doanh nghiệp QPAN và ngành, lĩnh vực doanh nghiệp được xem xét công nhận là doanh nghiệp QPAN (Phụ lục kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP quy định danh mục 11 ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ quốc phòng an ninh do doanh nghiệp quốc phòng an ninh thực hiện).

Căn cứ theo quy định này, đến nay, đã có 56 doanh nghiệp được Thủ tướng

Chính phủ công nhận là doanh nghiệp quốc phòng an ninh gồm: 09 doanh nghiệp là công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty; 47 doanh nghiệp là công ty TNHH một thành viên trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Ngoài các doanh nghiệp đã và đang được xem xét, công nhận là doanh nghiệp quốc phòng an ninh nêu trên, có một số công ty TNHH 1TV và Công ty TNHH là công ty con của Công ty mẹ tập đoàn, Tổng công là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh hiện vẫn đang được Bộ Quốc phòng giao thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng thông qua Công ty mẹ Tập đoàn, TCT) nhưng chưa được công nhận là doanh nghiệp quốc phòng. Các công ty con là công ty TNHH do công ty mẹ là Công ty TNHH MTV 100% vốn điều lệ của Nhà nước hiện đang được giao thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng an ninh thuộc Danh mục ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ quốc phòng an ninh quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, tuy nhiên không đáp ứng điều kiện về loại hình doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP. Do vậy, chưa được xem xét công nhận là doanh nghiệp QPAN.

b. Về đối tượng và chính sách đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh:

Hiện nay Bộ Quốc phòng đang xây dựng đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với Đề án Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội đến năm 2025. Dự kiến trong giai đoạn 2021-2025, Bộ Quốc phòng sẽ thực hiện sắp xếp đối với hơn 80 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và 20 công ty cổ phần để giảm khoảng 50% về số lượng doanh nghiệp. Theo đó, sau năm 2025, Bộ Quốc phòng chỉ tiếp tục duy trì quản lý: (i) các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là các doanh nghiệp trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng (khoảng 40 doanh nghiệp) và; (ii) một số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn (đáp ứng tiêu chí Nhà nước cần giữ cổ phần chi phối khi thực hiện cổ phần hóa) vẫn tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ quân sự quốc phòng là doanh nghiệp kinh tế kết hợp với quốc phòng. Đối với các doanh nghiệp còn lại ít liên quan đến nhiệm vụ quân sự quốc phòng, Bộ Quốc phòng phải thực hiện cổ phần hóa và bán hết phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Các quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP chưa quy định tách bạch cụ thể hai loại hình doanh nghiệp quốc phòng, an ninh gồm doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, thực tiễn quản lý doanh nghiệp của Bộ Quốc phòng cho thấy, trong thời gian tới, sẽ có 1 nhóm đối tượng doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng cần phải nghiên cứu xây dựng chính sách để điều chỉnh việc tổ chức hoạt động và quản lý, dự kiến sẽ bao gồm

doanh nghiệp hiện do Bộ Quốc phòng nắm giữ 100% vốn nhà nước không được công nhận là doanh nghiệp quốc phòng cần phải thực hiện cổ phần hóa, Bộ Quốc phòng nắm giữ cổ phần chi phối trong giai đoạn 2021-2025 như: Tổng công ty Đông Bắc (là doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn chiến lược và vẫn duy trì thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến quân sự); và doanh nghiệp hiện Bộ Quốc phòng đang nắm giữ cổ phần chi phối sau khi cổ phần hóa vẫn được giao thực hiện một số nhiệm vụ quân sự quốc phòng như: Công ty cổ phần X20, Công ty cổ phần 22, Công ty cổ phần 26, Công ty cổ phần 32 (là những doanh nghiệp đảm bảo quân trang, quân lương, thiết bị vật tư đảm bảo hậu cần cho quân đội).

Theo Bộ Quốc phòng, ngoài việc hoạt động sản xuất kinh doanh đơn thuần, các doanh nghiệp sau khi sắp xếp, cổ phần hoá, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối vẫn tiếp tục được giao thực hiện một số nhiệm vụ quân sự quốc phòng. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định của Nhà nước về cơ chế hỗ trợ đội ngũ quân nhân làm người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp. Do vậy, khi được giao một số nhiệm vụ quân sự quốc phòng, Nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ để đảm bảo chế độ chính sách cho đội ngũ quân nhân được cử sang làm việc tại công ty cổ phần (như: chế độ quân trang, kinh phí trả lương, đóng BHXH cho quân nhân trong thời gian nghỉ chuẩn bị hưu...). Trong một số trường hợp nhất định, việc thực hiện nhiệm vụ QPAN của Nhà nước giao có thể làm giảm lợi nhuận, tăng chi phí của doanh nghiệp, tuy nhiên, chưa có chính sách để Nhà nước đảm bảo hỗ trợ một phần chi phí cho đối tượng doanh nghiệp này. Do vậy, việc quy định cụ thể về chính sách đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 để đảm bảo công tác quản lý của Bộ Quốc phòng đối với các doanh nghiệp sau khi thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước và phù hợp với thực tiễn khi Bộ Quốc phòng thực hiện và hoàn thành sắp xếp, đổi mới DNNN trong giai đoạn 2021-2025.

Từ những vướng mắc trên thực tiễn và các yêu cầu nêu trên, việc rà soát, xây dựng Nghị định thay thế các nội dung liên quan đến tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp QPAN quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và đề hướng dẫn quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 là cần thiết nhằm thể chế hoá các quy định tại Luật và khắc phục những vướng mắc, hạn chế trong thực tiễn triển khai. Việc ban hành Nghị định giúp tạo khung pháp lý nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của nhà nước đối với các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN.

2.2. Về quy định thực hiện công bố thông tin của DNNN:

Điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của DNNN phải thực hiện công bố thông tin bao gồm: “*Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm*”.

Tuy nhiên, khoản 4 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp như sau: “*d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;*”.

Hiện nay, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP không còn phù hợp với khoản 4 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15. Do vậy, cần thiết phải quy định điều chỉnh nội dung tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP phù hợp với Luật số 03/2022/QH15 để đảm bảo tính thống nhất, nhất quán trong các quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin DNNN.

II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được xây dựng với các mục tiêu chính và nguyên tắc sau đây:

- Ban hành quy định chi tiết khoản 4, khoản 7 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 để đảm bảo thực thi Luật Doanh nghiệp và Luật số 03/2022/QH15 một cách nhất quán, đầy đủ.

- Kế thừa những quy định của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp đang được thực hiện ổn định, không có vướng mắc và phù hợp với Luật số 03/2023/QH15; đồng thời, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp so với quy định của Luật số 03/2022/QH15.

- Các quy định tại Nghị định không có nội dung trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật số 03/2022/QH15; góp phần cụ thể hoá các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật số 03/2022/QH15 theo hướng rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp hoạt động.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 130/QĐ-TTg, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức nghiên cứu, rà soát các văn bản quy định pháp luật liên quan và đã phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài

chính, Lao động – Thương binh và Xã hội đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và nghiên cứu các cơ chế chính sách liên quan đến tổ chức quản lý các doanh nghiệp được giao thực hiện nhiệm vụ QPAN và rà soát các nội dung triển khai thực hiện công bố thông tin trên thực tiễn.

Ngày 28/01/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 716/BKHĐT-PTDN gửi các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài chính, Tư pháp, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nội vụ đề nghị tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định. Để hoàn thiện, nội dung dự thảo Nghị định đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.mpi.gov.vn>) để lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Ngày 11/2/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài chính, Tư pháp, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nội vụ để trao đổi, lấy ý kiến hoàn thiện nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị định nêu trên.

Trên cơ sở ý kiến tham gia và nội dung tổng hợp tại cuộc họp ngày 11/2/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN.

Ngày...../.../2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số...../BKHĐT-PTDN gửi Bộ Tư pháp về việc thẩm định Dự thảo Tờ trình và Nghị định của Chính phủ quy định việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN và sửa đổi quy định về công bố thông tin DNNN. Ngày...../.../2022, Bộ Tư pháp đã có công văn số .../.../2022 trả lời về nội dung nêu trên.

Sau khi tổng hợp các ý kiến đóng góp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và hoàn thiện vào dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Kết cấu của dự thảo gồm 05 chương, 16 Điều và 01 Phụ lục, cụ thể gồm:

- Chương 1: Những quy định chung gồm 4 Điều từ Điều 1 đến Điều 4
- Chương 2: Tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN gồm 4 Điều từ Điều 5 đến Điều 8;

- Chương 3: Công nhận, công nhận lại và quản lý, giám sát doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN gồm 4 Điều từ Điều 9 đến Điều 13;

- Chương 4: Công bố thông tin DNNN gồm 2 Điều từ Điều 13 đến Điều 14

- Chương 5: Điều khoản thi hành gồm 2 Điều từ Điều 15 đến Điều 16

- 01 Phụ lục về Danh mục ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn phục vụ QPAN do doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN thực hiện quy định 11 nhóm lĩnh vực cụ thể.

2. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN và công bố thông tin của DNNN về cơ bản đã kế thừa một số quy định về quyền và nghĩa vụ, cơ cấu tổ chức quản lý, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp QPAN, thẩm quyền, quy trình và hồ sơ công nhận doanh nghiệp QPAN tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP để quy định đối với loại hình doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh.

So với nội dung Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, dự thảo Nghị định có một số nội dung mới quy định về tổ chức quản lý của doanh nghiệp được giao thực hiện nhiệm vụ QPAN và việc thực hiện công bố thông tin của DNNN như sau:

2.1. Về đối tượng được xác định là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN

Dự thảo Nghị định bổ sung làm rõ đối tượng doanh nghiệp được xác định là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN bao gồm công ty TNHH MTV là công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (điểm b khoản 1 Điều.3 dự thảo Nghị định) để đảm bảo thống nhất và phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 hoặc là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về xác định loại hình doanh nghiệp là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN khi đáp ứng đồng thời các điều kiện gồm: (i) Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp; (ii) Được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để đáp ứng yêu

cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thường xuyên hoặc đột xuất; tổ chức thực hiện các dự án đầu tư có liên quan đến bí mật quốc phòng, nhiệm vụ quan trọng của quốc phòng, dự án đầu tư trên các địa bàn có vị trí trọng yếu về quốc phòng để đảm bảo yêu cầu của Bộ Quốc phòng, phù hợp với quy định của pháp luật (quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị định).

2.2. Về chính sách đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN:

Đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng quy định tại dự thảo Nghị định, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ thực hiện quyền của cổ đông/thành viên góp vốn tại doanh nghiệp. Do vậy, các chính sách quy định cho doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN được rà soát, xây dựng đảm bảo không xung đột với nguyên tắc nhất quán của Luật Doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp; không tác động đến lợi ích/thiệt hại của cổ đông Nhà nước cũng như cổ đông ngoài Nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ nguyên tắc trên, để xử lý các chi phí đặc thù của doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN khi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và người lao động tại doanh nghiệp là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an, Điều 8 dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN được:

(i) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phù hợp với quy định tại Luật Đất đai, Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

(ii) Hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được xác định là chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp các khoản chi phí gồm: quân trang cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an; các khoản chi phí trả lương, đóng bảo hiểm xã hội cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an trong thời gian chuẩn bị nghỉ hưu; thanh toán các khoản chi ra quân, xuất ngũ, phục viên, thôi việc theo chế độ hiện hành; các khoản chi phục vụ quân sự quốc phòng, an ninh, quan hệ quân dân theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao của cấp có thẩm quyền do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân công;

(iii) Tiền lương của lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an được tính phù hợp với quy định về chế độ, chính sách của pháp luật đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an và căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

(iv) Khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, người lao động nếu bị thương hoặc bị chết mà đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, xác nhận là người có công theo quy định của pháp luật về người có công; người lao động bị tai nạn lao động thì xét hưởng chế độ tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

Để đảm bảo thực hiện tách bạch giữa nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thông thường và nhiệm vụ QPAN do Bộ Quốc phòng đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp, khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định: “*Việc giao nhiệm vụ, đặt hàng cho doanh nghiệp kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh; giá, đơn giá hoặc chi phí để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an*”.

2.3. Về công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN

Điều 10 dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh định kỳ 05 năm trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và 06 tháng trước kỳ phải công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, doanh nghiệp xây dựng Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; gửi 03 bộ Hồ sơ đến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để chủ trì, lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước khi xem xét, quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

2.4. Về công bố thông tin đối với DNNN và doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN là doanh nghiệp nhà nước:

Dự thảo Nghị định quy định điều chỉnh nội dung tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp như sau:

“Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm”.

Đối với doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, Điều 14 dự thảo Nghị định quy định nội dung báo cáo và công bố thông tin định kỳ,

bao gồm: “a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; b) Báo cáo tóm tắt về tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của năm trước liền kề, bao gồm: Vốn điều lệ, tổng tài sản, đầu tư tài chính, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, đầu tư ra nước ngoài; tổng doanh thu và thu nhập, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế và các khoản phải nộp nhà nước; tình hình sử dụng lao động và tiền lương của người lao động.”

Đồng thời quy định, trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN có trách nhiệm lập báo cáo và thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và cập nhật các mẫu biểu điện tử trên Cổng thông tin doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; đồng thời gửi báo cáo công bố thông tin đến cơ quan đại diện chủ sở hữu để đăng tải công bố trên Trang/Cổng Thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

2.5. Về danh mục ngành, lĩnh vực ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn phục vụ quốc phòng, an ninh do doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện

Dự thảo Nghị định đã tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng điều chỉnh câu chữ để làm rõ hơn các ngành, lĩnh vực phục vụ quốc phòng an ninh do doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện để đảm bảo phù hợp với thực tiễn (mục 1, 2, 4,6,10 tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định).

V. VỀ VIỆC TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(Tiếp thu sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

VI. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ THỰC THI NGHỊ ĐỊNH:

- Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa nhiều nội dung tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP. Các quy định điều chỉnh bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả thực thi, không phát sinh tăng nguồn nhân lực để triển khai các quy định.

- Các chính sách không phát sinh kinh phí riêng cho việc triển khai thực hiện. Kinh phí để tổ chức thi hành chính sách nằm trong kinh phí chung tổ chức thi hành Nghị định bao gồm: i) Kinh phí xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định; ii) kinh phí tổ chức phổ biến Nghị định; iii) Kinh phí tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị định.

Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi ban hành được dự toán và chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước.

VII. VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN

Trong quá trình tham vấn các ý kiến góp ý cho Dự thảo Nghị định, hiện có một số nội dung còn ý kiến khác nhau. Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo cụ thể các nội dung còn ý kiến khác nhau và kiến nghị phương án như sau:

1. Về tên gọi và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định:

Về nội dung này, hiện còn có 2 ý kiến khác nhau như sau:

(i) Ý kiến thứ nhất cho rằng: tại Quyết định số 130/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Nghị định quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn do doanh nghiệp nhà nước đề hướng dẫn khoản 7 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15. Do vậy, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định không bao gồm nội dung về công bố thông tin DNNN.

(ii) Ý kiến thứ 2 cho rằng: hiện nay, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP không còn phù hợp với khoản 4 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15. Do vậy, cần điều chỉnh quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP tương ứng để phù hợp với quy định tại Luật số 03/2022/QH15.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng cần thiết phải sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp của pháp luật về công bố thông tin. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị tên gọi và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định bao gồm 02 nội dung gồm: (i) việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN và (ii) sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

2. Về thẩm quyền và quy trình công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN:

Hiện có 3 ý kiến về thẩm quyền và quy trình công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN như sau:

(i) Ý kiến thứ nhất cho rằng: dự thảo Nghị định cần kế thừa các quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP về thẩm quyền và quy trình thực hiện quyết định

công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh¹, đồng thời bổ sung quy định về thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ 5 năm (Điều 9, Điều 10 dự thảo Nghị định) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

(ii) Ý kiến thứ hai đề nghị xem xét phương án phân cấp giao Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, quyết định công nhận, công nhận lại đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh để giảm thủ tục trong thực hiện xem xét công nhận, công nhận lại như quy định hiện hành (Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Công an).

Tại Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020 của Chính phủ quy định về công nghiệp an ninh đã quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, quyết định danh sách các cơ sở công nghiệp an ninh (trong đó bao gồm doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Công an). Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng việc quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh đảm bảo có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Nghị định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN và sửa đổi quy định về công bố thông tin DNNN. Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Lưu VT, PTĐN.

Nguyễn Chí Dũng

¹ Theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng an ninh theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với hồ sơ công nhận của từng doanh nghiệp định kỳ 5 năm.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CÁC BỘ ĐỐI VỚI NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ DOANH NGHIỆP TRỰC TIẾP QPAN VÀ DOANH NGHIỆP KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QPAN VÀ SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN DNNN

TT	Nội dung	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
I	Về tên gọi, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định		
1	Phạm vi điều chỉnh và tên Nghị định	1. Đề nghị chỉnh sửa lại phạm vi và tên của Nghị định làm rõ nội dung sửa đổi về công bố thông tin DNNN chỉ là sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP về công bố thông tin DNNN, việc quy định chung là Nghị định về công bố thông tin DNNN sẽ dẫn đến phạm vi Nghị định quá rộng (Bộ Công an).	Đã tiếp thu quy định cụ thể về phạm vi của dự thảo Nghị định bao gồm chỉ sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP về công bố thông tin DNNN
II	Về nội dung tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN		
1	Về đối tượng xác định là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN	1. Đề nghị bổ sung quy định đối tượng xác định doanh nghiệp quốc phòng an ninh bao gồm các công ty TNHH MTV là các công ty con của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư); 2. Việc xác định doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN như nêu tại dự thảo Nghị định là phù hợp, không cần thiết phải bổ sung về đối tượng doanh nghiệp phải thuộc quản lý của Bộ QP, Bộ Công An (Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, VPCP)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu quy định tại dự thảo Nghị định tại điểm a khoản 1 Điều 3, theo đó, doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN: “a) Là công ty trách nhiệm hữu hạn có sở hữu 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.”
2	Về thẩm quyền công nhận, công nhận lại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN	Đề nghị nghiên cứu trình Chính phủ sửa đổi theo hướng giao cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (cơ quan được phân công làm chủ sở hữu) căn cứ vào danh mục ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do doanh nghiệp quốc phòng, an ninh thực hiện để xem xét công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh trên cơ sở ý kiến thống nhất	Tại Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020 của Chính phủ quy định về công nghiệp an ninh cũng quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc xem xét, quyết định danh sách các cơ sở công nghiệp an ninh (bao gồm cả doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Công an). Để đảm bảo thống nhất giữa các văn bản pháp lý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế thừa quy định tại Nghị định

TT	Nội dung	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
		<p>của các Bộ có liên quan như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;.... (Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Công an).</p> <p>Bộ Quốc phòng đề xuất: Trên cơ sở Đề án Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong từng giai đoạn (05 năm) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm thẩm định, quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp QPAN và báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đồng thời gửi cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính để theo dõi, giám sát).</p>	<p>số 47/2020/NĐ-CP về nội dung này, theo đó, quy định việc quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp QPAN do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở kiến nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>
3	Về cơ chế hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN	<p>1. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung thêm đối tượng người lao động thực hiện các chính sách với người lao động gồm sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an” cho phù hợp với Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an):</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát tiếp thu các ý kiến này để bổ sung, sửa đổi Điều 7 dự thảo Nghị định</p>
4	Về cơ chế hoạt động của doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN	<p>1. Bộ Quốc phòng đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung các chính sách với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN bao gồm:</p> <p><i>“1. Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phù hợp với quy định tại Luật Đất đai, Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;</i></p> <p><i>2. Được ngân sách nhà nước bảo đảm các khoản chi phí gồm: An dưỡng, quân trang và các chế độ khác cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, công nhân công an; chi cho hoạt động cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch bệnh gây ra; các khoản chi cho công tác phục vụ quân sự quốc phòng, an ninh; công tác Đảng, công tác chính trị; quan hệ quân dân (nếu được cấp có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao thực hiện). Trường hợp ngân sách nhà nước không bảo</i></p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu bổ sung quy định chính sách đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN tại Điều 8 dự thảo Nghị định chỉ bao gồm các nội dung sau:</p> <p><i>“1. Doanh nghiệp được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phù hợp với quy định tại Luật Đất đai, Nghị quyết của Quốc hội liên quan đến đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;</i></p> <p><i>2. Doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được xác định là chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp các khoản chi phí gồm: quân</i></p>

TT	Nội dung	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
		<p><i>đảm thì được hạch toán các khoản chi phí này vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được xác định là chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp;</i></p> <p><i>3. Được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí nhà trẻ, giáo dục tại địa bàn chưa có trường lớp theo hệ thống giáo dục công lập; kinh phí y tế đối với những nơi do điều kiện đặc biệt phải duy trì bệnh xá; hoặc nhà trẻ, bệnh xá trên địa bàn cần thiết phải duy trì theo quyết định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;”</i></p>	<p><i>trang cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an; các khoản chi phí trả lương, đóng bảo hiểm xã hội cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng trong thời gian chuẩn bị nghỉ hưu; thanh toán các khoản chi ra quân, xuất ngũ, phục viên, thôi việc theo chế độ hiện hành; các khoản chi phục vụ quân sự quốc phòng, an ninh, quan hệ quân dân theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao của cấp có thẩm quyền do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phân công.</i></p> <p><i>3. Tiền lương của lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an được tính phù hợp với quy định về chế độ, chính sách của pháp luật đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an và căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</i></p> <p><i>4. Khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, người lao động nếu bị thương hoặc bị chết mà đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, xác nhận là người có công theo quy định của pháp luật về người có công; người lao động bị tai nạn lao động thì xét hưởng chế độ tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về lao động.”</i></p> <p><i>Đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng quy định tại dự thảo Nghị định, ngoài các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không được công nhận là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ</i></p>

TT	Nội dung	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
			<p>QPAN, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ thực hiện quyền của cổ đông/thành viên góp vốn tại doanh nghiệp tại các doanh nghiệp có cổ phần chi phối của Nhà nước. Do vậy, các chính sách quy định cho doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN được rà soát, xây dựng đảm bảo không xung đột với nguyên tắc nhất quán của Luật Doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp; không tác động đến lợi ích/thiệt hại của cổ đông Nhà nước cũng như cổ đông ngoài Nhà nước tại doanh nghiệp. Do vậy, Nhà nước chỉ nên có chính sách để xử lý các chi phí đặc thù của doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN khi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và người lao động tại doanh nghiệp là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an.</p>
5	Về cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp	5. Đề nghị quy định việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp QPAN theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, không cần Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung này (Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã điều chỉnh tại dự thảo Nghị định nội dung này.
6	Về Phụ lục Danh mục ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn phục vụ QPAN	1. Đề nghị rà soát bổ sung tại Danh mục ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn phục vụ quốc phòng, an ninh do doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh để đảm bảo đầy đủ tại mục 1, mục 2, mục 6 (bổ sung cụm từ “cung ứng”); mục 4 (bổ sung cụm từ “thương mại quân sự”), mục 6 (bổ sung cụm từ “xăng, dầu, mỡ đặc chủng”), mục 10 (bổ sung cụm từ “C, K”) tại Phụ lục Nghị định.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát bổ sung tại Phụ lục dự thảo Nghị định

TT	Nội dung	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
		<p>2. Bổ sung tại Phụ lục dự thảo Nghị định các nội dung như:</p> <p>- Bổ sung cụm từ “nhiệm vụ bình phong” tại mục 7 Phụ lục; cụm từ “các công trình trọng điểm quốc gia, sân bay, bến cảng” tại mục 9 Phụ lục dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng các nội dung đề nghị bổ sung này của Bộ Quốc phòng không thể hiện rõ đặc thù và các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến lĩnh vực QPAN, do vậy, không tiếp thu tại dự thảo Nghị định.</p>
III	Về công bố thông tin		
1	<p>Công bố thông tin đối với DN trực tiếp phục vụ QPAN và Dn kết hợp kinh tế với QPAN.</p>	<p>Bộ Quốc phòng đề nghị quy định về công bố thông tin DN tại Điều 14 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p><i>“1. Nội dung báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bao gồm:</i></p> <p><i>a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP;</i></p> <p><i>b) Báo cáo tóm tắt về tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của năm trước liền kề, bao gồm: Vốn điều lệ, tổng tài sản, đầu tư tài chính, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, đầu tư ra nước ngoài; tổng doanh thu và thu nhập, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế và các khoản phải nộp nhà nước; tình hình sử dụng lao động và tiền lương của người lao động.</i></p> <p><i>2. Thực hiện công bố thông tin</i></p> <p><i>Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN có trách nhiệm lập báo cáo và thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và cập nhật các mẫu biểu điện tử trên Cổng thông tin doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời gửi báo cáo công bố thông tin đến cơ quan đại diện chủ sở hữu để đăng tải công bố trên Trang/Cổng Thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP”</i></p>	<p>Dự thảo Nghị định đã tiếp thu nội dung này và điều chỉnh nội dung tại Điều 14 dự thảo Nghị định.</p>

TT	Nội dung	Ý kiến của các cơ quan liên quan	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
IV	Về trách nhiệm của các Bộ và điều khoản chuyển tiếp		
1	Về trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>- Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc hướng dẫn chế độ báo cáo, công bố thông tin, giám sát, kiểm tra đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với QPAN để bảo đảm đồng bộ, thống nhất nội dung, quy trình, thủ tục, quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp và cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng có liên quan trong việc tổ chức quản lý và giám sát, kiểm tra đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (Bộ Quốc phòng).</p> <p>- Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ KHĐT trong việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện dự thảo Nghị định.</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến tại Khoản 2, 3 Điều 16 dự thảo Nghị định
2	Về điều khoản chuyển tiếp	Đề nghị bổ sung làm rõ điều khoản chuyển tiếp để quy định các doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ QPAN trước ngày Nghị định này có hiệu lực được thực hiện các chính sách tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và Nghị định này.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến tại khoản 3 Điều 15 dự thảo Nghị định.